

Số: 404/2026/QĐST - HNGĐ

Cần Thơ, ngày 21 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án thụ lý số: **802/2026/TLST/HNGĐ** ngày **30 tháng 7 năm 2026**, giữa:

* Bà **Nguyễn Thanh T**, sinh ngày 01/01/1985.

CC số 092185000785 cấp ngày 28/11/2024;

SĐT 0919.240.488; 0352.509.265

Địa chỉ: **Số B, khu vực P, phường H, thành phố Cần Thơ.**

* Ông **Đặng Văn P**, sinh ngày 01/01/1982.

CCCD: 092082007998 cấp ngày 03/7/2022, SĐT: 0333.389.249

Địa chỉ: **Số B, khu vực P, phường H, thành phố Cần Thơ.**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 107, 116 và 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày **11 tháng 9 năm 2026**.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày **11 tháng 9 năm 2026** là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

* Nguyên đơn: **Nguyễn Thanh T**, sinh ngày 01/01/1985.

CC số 092185000785 cấp ngày 28/11/2024;

SĐT 0919.240.488; 0352.509.265

Địa chỉ: **Số B, khu vực P, phường H, thành phố Cần Thơ.**

* Bi đơn: **Đặng Văn P**, sinh ngày 01/01/1982.

CCCD: 092082007998 cấp ngày 03/7/2022, SĐT: 0333.389.249

Địa chỉ: **Số B, khu vực P, phường H, thành phố Cần Thơ.**

* Người liên quan:

Ngân hàng C2 – P1

Trụ sở chính: **Số A, phố L, phường H, TP . Hà Nội.**

Trụ sở PGD: 236E, **đường T (nối dài), khu vực Y, phường C, thành phố Cần Thơ.**

Đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Thị H** – Tổng giám đốc
Người đại diện ủy quyền: Ông **Bùi Kiên C**, Chức vụ: Giám đốc **Phòng C2**.
Theo Quyết định ủy quyền số 3742/QĐ-NHCS ngày 30/7/2026.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: Bà **Nguyễn Thanh T** và ông **Đặng Văn P** thống nhất thuận tình ly hôn.

* Về con chung: có 02 con chung, cháu **Đặng Thị Hồng N** (nữ), sinh ngày 23/4/2005 đã trưởng thành, nên không xem xét giải quyết; thống nhất giao cháu **Đặng Hồng C1** (nữ), sinh ngày 16/4/2014 cho ông **Đặng Văn P** trực tiếp nuôi dưỡng; không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Dành quyền thăm nom con chung cho bà **Nguyễn Thanh T** theo luật định, không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung: ghi nhận sự thỏa thuận như sau:

- Bà **Nguyễn Thanh T** đang đứng tên chủ tài khoản tiền gửi tiết kiệm tại **Ngân hàng TMCP S** theo Số tài khoản tiết kiệm 070160503554 do bà **Nguyễn Thanh T** đứng tên, mở ngày 03/8/2026 với số tiền gửi là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng); Do đó, bà **Nguyễn Thanh T** có nghĩa vụ thanh toán lại $\frac{1}{2}$ số tiền gửi là tài sản chung của vợ chồng cho ông **Đặng Văn P** là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) khi án có hiệu lực.

- Bà **Nguyễn Thanh T** có nghĩa vụ hoàn trả cho ông **Đặng Văn P** số vàng là 03 (ba) chỉ vàng 18K mục đích để mua sắm trang sức cho 02 con chung là **Đặng Thị Hồng N** và **Đặng Hồng C1**.

- Ông **Đặng Văn P** được toàn quyền sở hữu Xe nhãn hiệu SYM, biển số đăng ký 65AA-097.03 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 134514 cấp ngày 19/6/2020.

* Về nợ chung: vợ chồng nợ **Ngân hàng C2** tổng số tiền gốc 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ. Nên ông **Đặng Văn P** và bà **Nguyễn Thanh T** mỗi người phải có nghĩa vụ trả nợ là $\frac{1}{2} \times 40.000.000 \text{ đồng} = 20.000.000 \text{ đồng}$ (Hai mươi triệu đồng) nợ gốc và lãi phát sinh theo dư nợ gốc cho đến khi thanh toán hết nợ cho **Ngân hàng C2** khi án có hiệu lực.

* Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn **Nguyễn Thanh T** và bị đơn **Đặng Văn P** mỗi người chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định. Riêng bà **Nguyễn Thanh T** được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001266 ngày 22/7/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Bà **Nguyễn Thanh T** được nhận lại 225.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

* Án phí chia tài sản chung: Ông **Đặng Văn P** và bà **Nguyễn Thanh T** mỗi người phải chịu án phí tương ứng với phần giá trị được hưởng. Cụ thể:

- Ông **Đặng Văn P** phải chịu $\frac{1}{2} \times 5\%$ (tiền 100.000.000 đồng + xe 6.000.000 đồng + 28.569.000 đồng (03 chỉ x 9.523.000 đồng) = 3.364.000 đồng

(Ba triệu, ba trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.986.000 đồng (Ba triệu, chín trăm tám mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai số 0002527 ngày 24/8/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Ông **Đặng Văn P** được nhận lại 622.000 đồng (Sáu trăm hai mươi hai nghìn đồng).

- Bà **Nguyễn Thanh T** phải chịu $\frac{1}{2} \times 5\%$ (tiền 100.000.000 đồng) = 2.500.000 đồng (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng).

* Án phí dân sự sơ thẩm: theo qui định là $\frac{1}{2}$ ($5\% \times 40.000.000$ đồng) = 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), ông **Đặng Văn P** và bà **Nguyễn Thanh T** mỗi người phải chịu 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng C2 là đối tượng được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo qui định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 36 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự
- VKSND cùng cấp.
- Tòa án nhân dân Tp. Cần Thơ.
- Cơ quan Thi hành án.
- UBND huyện Châu Thành A (Hậu Giang cũ)
- Lưu hồ sơ.

THÁI MỸ NHUNG